



YẾU TỐ TÂM LÝ



TRONG QUẢN LÝ VĨ MÔ

NGUYỄN ĐÌNH QUẾ

(Phó chủ nhiệm khoa Quản trị - Viện Đào tạo mở rộng TP. HCM)

Trước hết do thuật ngữ quản lý vĩ mô (Macro - management) có một ý nghĩa quá rộng lớn bao gồm: việc quản lý mọi hoạt động trên qui mô toàn xã hội. Vậy ở đây chúng tôi xin giới hạn chỉ phân tích vấn đề tâm lý trong quản lý kinh tế - một lãnh vực khá trội yếu và nổi bật trong quản lý vĩ mô.

Vậy yếu tố tâm lý đóng vai trò và tác động thế nào trong quản lý kinh tế?

Ta thấy công việc xây dựng và phát triển kinh tế chỉ có thể đạt hiệu quả to lớn nếu có khả năng thu hút và lôi cuốn được đông đảo nhiều thành phần và nhiều người tham gia. Nhưng làm thế nào để tác động được sự tham gia rộng lớn này?

Theo Maslow - nhà xã hội học nổi danh - thì con người chỉ thực sự tự giác đi vào hoạt động nếu thấy công việc đó đáp ứng đúng nhu cầu, và một trong những

nhu cầu quan trọng này là: sự yên tâm và tin tưởng. Vậy làm thế nào để mọi người yên tâm và tin tưởng trong việc dẫn thân tham gia vào sự nghiệp kinh bang tế thế, đem lại lợi ích cho mình và cho mọi người.

Môi trường kinh tế xã hội phải là một môi trường ổn định, mới đem lại sự yên tâm trong việc tính toán và phác thảo các chương trình hoạt động cùng các dự án đầu tư. Như vậy rất cần thiết phải có cơ cấu tổ chức hành chính ổn cố và một hệ thống luật pháp hoàn chỉnh vững bền. Chính do các yếu tố nói trên chúng ta thấy biến chuyển của tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong 5 năm qua đã có những chuyển biến tốt nhất định. Do cơ cấu bộ máy hành chính ổn định và hệ thống pháp lý dần dần hoàn chỉnh trong hai năm gần đây nên số dự án

và vốn đầu tư trong 12 tháng của năm 1991 và 9 tháng của năm 1992 to lớn hơn nhiều so với kết quả của cả 3 năm trước 1988, 1989 và 1990.

Ngoài cơ cấu tổ chức hành chính ổn cố và hệ thống pháp lý hoàn chỉnh, vấn đề vô cùng quan trọng tác động vào tâm lý để thúc đẩy phát triển kinh tế là sự công bằng hợp lý trong xã hội. Thực vậy, nếu tệ nạn tham nhũng tiếp tục hoành hành và nếu tình trạng buồn lâu không còn phương cách nào trừ khử được thì chắc chắn niềm tin vào tương lai sẽ trở nên mờ mịt và các lời kêu gọi tham gia phát triển sản xuất, phát triển hoạt động kinh doanh... sẽ chỉ là những âm thanh tuyệt vọng trong sa mạc.

Nói chung các tệ nạn khác như nạn bao che để chiếm nhà, chiếm đất bất hợp pháp, nạn bẽ phải để đưa bè cánh thân tộc không có năng lực nên nắm chức, nắm quyền; nạn kỳ thị để xua đuổi, trừ dập những người chỉ vì chẳng may sinh ra dưới ngôi sao xấu... Tất cả những tệ nạn nói trên, nếu trở nên phổ biến và không kịp thời ngăn chặn thì sẽ trở thành một sự thách đố nguy hiểm cho các phạm trù "công bằng", "tự do"... được ghi trong Hiến pháp.

Một yếu tố nữa cũng tác động khá lớn vào tâm lý trong nỗ lực thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh là sự rõ ràng, minh bạch. Thí dụ để thực hiện chủ trương "cổ phần hóa" thì vấn đề kiên quyết là phải có phương pháp định giá tài sản doanh nghiệp một cách rõ ràng (trong đó có việc xác định giá trị phi vật chất tức Good Will của cơ sở) từ đó mới tiến hành việc xác định số lượng cổ phần và mệnh giá mỗi cổ phần. Ngoài ra để việc định giá này được công minh, chính xác rất cần thiết phải có các tổ chức kiểm toán (auditors) có năng lực làm việc với tinh thần trách nhiệm và khách quan vô tư. Người ta sẽ chỉ yên tâm tin tưởng và sẵn sàng tham gia mua các cổ phần của các doanh nghiệp được cổ phần hóa nếu các qui trình thực hiện được đảm bảo bởi các nhân tố cần thiết nói trên.

Trên đây chỉ là sự phân tích khía cạnh tâm lý tác động lên một số mặt điển hình của quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế.

Chúng tôi có cảm tưởng yếu tố tâm lý có một ảnh hưởng khá sâu sắc và toàn diện trong các hoạt động kinh tế xã hội dù trong phạm vi vĩ mô hay vi mô. Liệu đất nước Việt Nam chúng ta có vươn lên nổi để trở thành một con Rồng nữa ở Á châu hay không? Điều này tùy thuộc phần khá quan trọng vào các động thái xã hội (social behaviors) có khả năng tác động vào tâm lý con người hầu chuyển biến những mong ước, kỳ vọng thành những nỗ lực cụ thể đủ sức đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế xã hội, tạo ra một sự cất cánh thực sự (take off) trong phạm vi quản trị vĩ mô cũng như trong lãnh vực quản lý vi mô ♣